

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **126/2022/HNGĐ - ST**

Ngày 15/9/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Bích Hiệp.

2. Bà Hoàng Thị Tuấn Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vi Thị X**, sinh năm 1997.

Trú tại: Xóm C, xã CL, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Nhật L**, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm M, xã TH, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vi Thị X trình bày:

Chị Vi Thị X đăng ký kết hôn với anh Trương Nhật L vào ngày 29/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, sau thời gian ly thân chị

X nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nên giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn đối với anh Trương Nhật L.

Giữa chị Vi Thị X và anh Trương Nhật L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn anh Trương Nhật L trình bày trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai như sau:

Anh L và chị X đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, nguyên nhân xuất phát từ việc chị X tham gia vào việc chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ đó xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng và người thân trong gia đình, chị X bỏ đi sống ly thân cho đến nay không quay về. Đến nay chị X viết đơn xin ly hôn, bản thân anh L cũng nhất trí giải quyết ly hôn, không đồng ý hòa giải để đoàn tụ, tuy nhiên anh L cho rằng mọi sự việc, mâu thuẫn xảy ra do chị X gây ra nên anh L không đồng ý trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ việc, mọi sự việc liên quan đến đơn yêu cầu giải quyết ly hôn chị X tự mình giải quyết tại Tòa án.

Về con chung, giữa anh L và chị X không có con chung với nhau. Đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, hai bên không có tranh chấp gì nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn từ chối trực tiếp đến Tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn có đơn xin được giải quyết vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xem xét.

Về quan hệ hôn nhân cần chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Vi Thị X được ly hôn với anh Trương Nhật L.

Giữa hai bên không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung và nợ chung, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vi Thị X có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Trương Nhật L, hai bên không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Ly hôn”.

Bị đơn anh Trương Nhật L có nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú tại xóm M, xã TH, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định, tuy được triệu tập đến làm việc nhưng bị đơn không hợp tác, từ chối trực tiếp đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin được giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa của Tòa án, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị X và anh Trương Nhật L đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về điều kiện đăng ký kết hôn và đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống một thời gian vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị X xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, không có tương lai, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án cho thấy, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, quá trình lấy lời khai nguyên đơn chị X giữ nguyên ý kiến kiên quyết xin được giải quyết ly hôn, anh Trương Nhật L có ý kiến đồng ý giải quyết ly hôn, đề nghị không hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng đều có ý kiến không

trở lại đoàn tụ với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị X đối với anh Trương Nhật L.

[3] Về con chung: Giữa chị Vi Thị X và anh Trương Nhật L không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị X và anh Trương Nhật L có ý kiến thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị X được ly hôn anh Trương Nhật L.

2. Về án phí: Chị Vi Thị X chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006884 ngày 15/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã TH, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông